

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN QUẢNG NINH.**
- Tên giao dịch quốc tế: Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company.
- Tên viết tắt: **QNTPJSC.**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700434869 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 16/12/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 27/06/2018.
- Vốn điều lệ: 4.500.000.000.000 (*Bốn nghìn năm trăm tỷ đồng*).
- Vốn chủ sở hữu: 4.895.163.905.114 đồng (*Bốn nghìn, tám trăm chín năm tỷ, một trăm sáu ba triệu, chín trăm linh năm nghìn, một trăm mười bốn đồng*), bao gồm cả thặng dư.
- Địa chỉ: Tổ 33, khu 5, phường Hà Khánh, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
- Điện thoại: (0203)3657539; Fax: (0203)3657540
- Website: <http://www.quangninhtpc.com.vn>
- Mã cổ phiếu: QTP - Mã cổ phiếu của Công ty đã được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cho phép giao dịch chính thức trên sàn giao dịch chứng khoán UpCOM từ ngày 16/3/2017.

### **I. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty**

#### **1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

Ngày 04/02/2002, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh được Chính phủ cho phép thành lập theo Thông báo số 20/VPCP-TB của Văn phòng Chính phủ theo hình thức Công ty cổ phần nhà nước gồm: Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Than Việt Nam, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và các doanh nghiệp khác có năng lực về vốn tham gia thực hiện dự án.

Ngày 16/12/2002, Công ty được Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu với 5 cổ đông sáng lập gồm: (i) Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (EVN); (ii) Tổng Công ty Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV); (iii) Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng (COMA); (iv) Tổng Công ty Xuất Nhập khẩu Xây dựng Việt Nam (VINACONEX); (v) Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA). Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty

là: Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh, sản xuất và bán điện.

Ngày 23/9/2003, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt dự án đầu tư Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh tại văn bản số 1278/CP-CN, gồm những nội dung chính như sau:

- Đồng ý đầu tư dự án Nhiệt điện Quảng Ninh với công suất 600MW và có tính đến việc đầu tư một số công trình dùng chung cho quy mô công suất 1.200MW.
- Dự án được áp dụng cơ chế ưu đãi đầu tư theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, dùng vốn vay thương mại của các tổ chức tín dụng nước ngoài và các ngân hàng thương mại trong nước được phép cho Công ty vay vượt 15% vốn tự có của từng ngân hàng đối với dự án này.

Ngày 19/05/2004, Lễ Khởi công san nền Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 1 (NĐQN 1) đã được diễn ra.

Ngày 31/10/2005, tổ chức Lễ ký Hợp đồng EPC cho Dự án NĐQN 1.

Ngày 02/04/2006, tiến hành Lễ Khởi công xây dựng nhà máy chính của Dự án NĐQN 1.

Ngày 16/11/2006, tổ chức Lễ ký hợp đồng EPC cho Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 2 (NĐQN 2).

Ngày 28/05/2007, Nhà máy chính của Dự án NĐQN 2 đã được khởi công xây dựng tại phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long.

Ngày 12/05/2009, Tổ máy (TM) số 1 của Dự án NĐQN 1 đã chính thức được hòa đồng bộ lần đầu vào lưới điện quốc gia, hoàn thành chạy tin cậy (RTR) vào tháng 3/2010 và được cấp chứng chỉ nghiệm thu tạm thời (PAC) có điều kiện vào tháng 07/2011.

Ngày 02/6/2010, TM2 của Dự án NĐQN 1 được hòa đồng bộ vào lưới điện quốc gia, hoàn thành chạy tin cậy (RTR) vào tháng 10/2010 và được cấp PAC có điều kiện vào tháng 04/2011.

Ngày 01/7/2012, cả 02 TM của Nhà máy NĐQN 1 chính thức tham gia thị trường phát điện cạnh tranh.

Ngày 13/12/2012, TM3 của Dự án NĐQN 2 đã hòa đồng bộ lần đầu và chính thức phát điện vào Hệ thống điện quốc gia, hoàn thành chạy tin cậy vào tháng 6/2013 và được cấp PAC từ ngày 01/01/2014.

Ngày 09/9/2013, TM4 của Dự án Quảng Ninh 2 đã chính thức hoà đồng bộ lần đầu vào lưới điện Quốc gia, hoàn thành chạy tin cậy vào tháng 01/2014 và được cấp PAC từ ngày 16/03/2014.

Ngày 01/6/2015, cả 02 TM của Nhà máy NĐQN 2 chính thức tham gia thị trường phát điện cạnh tranh.

Ngày 13/01/2016, Công ty đã ký kết hợp đồng mua bán điện hợp nhất hai hợp đồng mua bán điện NĐQN 1 và NĐQN 2 với EVN số 01/2016/HĐ-NMĐ-QN.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất kinh doanh điện.

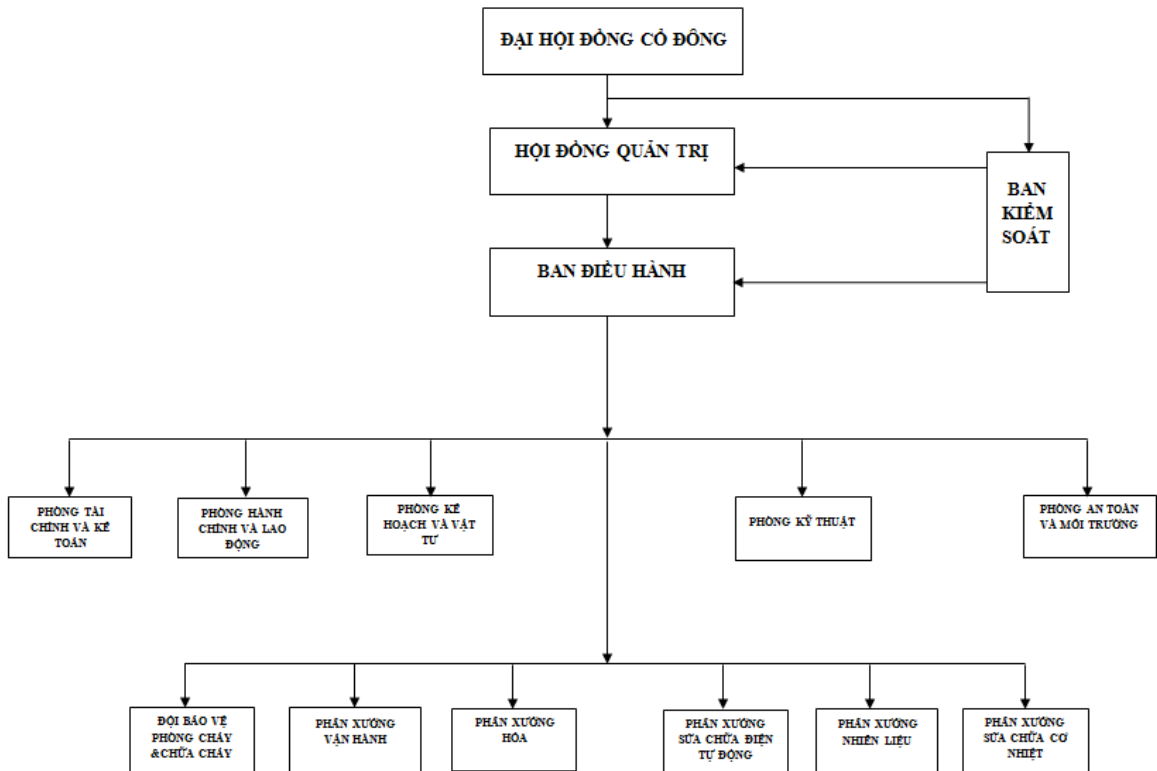
Địa bàn kinh doanh: Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) *Mô hình quản trị*: Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát; Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

b) *Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty*: Gồm có 05 Phòng, 05 Phân xưởng và 01 đội bảo vệ PCCC.

### Sơ đồ tổ chức bộ máy Công ty



c) *Các công ty con, công ty liên kết*: Không có.

## 4. Định hướng phát triển

a) *Các mục tiêu chủ yếu của Công ty*

- Đảm bảo vận hành các TM an toàn – liên tục – kinh tế. Sản lượng điện thương phẩm hàng năm theo thiết kế đạt từ 6,501 tỷ kWh trở lên.

- Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) hàng năm ổn định, có hiệu quả và phân đầu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao với mức lợi nhuận đạt ở mức hợp lý.

- Thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa, cải tạo nâng cấp máy móc thiết bị, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị đáp ứng nhu cầu điện năng của Hệ thống điện quốc gia. Tham gia thị trường phát điện cạnh tranh đầy đủ.

- Đảm bảo và phát triển vốn của các Cổ đông và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Người lao động của Công ty.

#### *b) Các chiến lược phát triển trung và dài hạn*

- Đầu tư tài chính dài hạn và ngắn hạn để sử dụng hiệu quả nguồn vốn khấu hao cơ bản, lợi nhuận hàng năm để lại và các nguồn khác; tạo niềm tin và đem lại lợi ích cao nhất cho các Cổ đông.

- Tiếp tục kiến nghị với các cấp có thẩm quyền về thanh toán khoản lỗ CLTG theo quy định của hợp đồng mua bán điện, phần đầu tình hình tài chính của Công ty từng bước ổn định.

- Tiếp tục kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét về suất hao nhiệt tinh trong phương án giá điện tác động của các nguyên nhân khách quan.

#### *c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng Công ty*

- Tiếp tục khai thác và kinh doanh tro xỉ để góp phần cải tạo môi trường, tận dụng nguồn thu và nâng cao hiệu quả, lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Vận hành ổn định hệ thống kết nối, khai báo số liệu quan trắc môi trường tự động và hệ thống quan trắc nước làm mát bình ngưng theo yêu cầu của UBND tỉnh Quảng Ninh.

- Bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, hướng tới sự phát triển bền vững và góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tích cực tham gia vào các chương trình an sinh xã hội của địa phương.

- Tận dụng hiệu quả nguồn nguyên vật liệu cũng như nguồn nhân lực lao động địa phương để phát triển sản xuất.

### **5. Các rủi ro**

- Rủi ro cạnh tranh phát điện trên thị trường điện, giữa các Nhà máy Nhiệt điện với Nhiệt điện và giữa các Nhà máy Nhiệt điện với Thủy điện.

- Rủi ro chênh lệch tỷ giá (CLTG) do hiện nay trong giá bán điện vẫn chưa được ghi nhận đầy đủ chi phí CLTG, dẫn đến Công ty vẫn phải trích bù CLTG.

- Ảnh hưởng từ các yếu tố khách quan tác động trực tiếp đến suất hao nhiệt tinh của Nhà máy.

- Các vật tư SCL, SCTX chủ yếu phải nhập khẩu do vậy tác động tỷ giá tăng làm ảnh hưởng đến chi phí sản xuất điện.

## II. Tình hình hoạt động trong năm của Công ty

### 1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

#### a) Kết quả hoạt động sản xuất điện trong năm

Năm 2019, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn (sức ép từ sản lượng điện sản xuất lớn, tình hình cung cấp nhiên liệu than các tháng đầu năm không ổn định; ảnh hưởng của lưu lượng, nhiệt độ nước đầu vào kênh tuần hoàn làm cho các tổ máy không phát được công suất tối đa tại nhiều thời điểm, giảm hiệu suất các tổ máy dẫn đến tiêu hao nhiên liệu tăng cao). Tuy nhiên, kết thúc năm 2019, Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã được EVNGENCO1 và Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể như sau:

- Tổng sản lượng điện sản xuất đạt 7,58 tỷ kWh, bằng 98,1% so với kế hoạch năm và tăng 8,6% so với thực hiện năm 2018;
- Tổng sản lượng điện thương phẩm đạt 6,89 tỷ kWh, bằng 98,6% so với kế hoạch năm và tăng 9% so với thực hiện năm 2018;

#### b) Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế so với Kế hoạch năm

1	Lợi nhuận theo kế hoạch	364,02	Tỷ đồng
2	Lợi nhuận thực hiện (không bao gồm CLTG)	785,98	Tỷ đồng
3	Lợi nhuận thực hiện (bao gồm CLTG)	659,95	Tỷ đồng
4	Lợi nhuận thực hiện (bao gồm CLTG sau thuế TNDN)	650,99	Tỷ đồng
5	Lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2019	151,58	Tỷ đồng

Công ty có lợi nhuận SXKD (chưa tính ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá) đạt 785,98 tỷ đồng cao hơn 421,96 tỷ đồng so với kế hoạch. Sau khi tính ảnh hưởng của CLTG phát sinh trong kỳ và phân bổ lỗ CLTG, lợi nhuận còn lại là 659,95 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế TNDN là 650,99 tỷ đồng.

### 2. Tổ chức và nhân sự:

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 là 877 người, trong đó: Ban điều hành Công ty tại thời điểm 31/12/2019 là 03 người.

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành Công ty:

#### 1 Ông Ngô Sinh Nghĩa

- \* Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc, thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
- \* Giới tính: Nam

- \* Ngày tháng năm sinh: 02/12/1978
- \* Nơi sinh: Quảng Ninh
- \* Quốc tịch: Việt Nam
- \* Dân tộc: Kinh
- \* Quê quán: Kim Sơn, Đông Triều, Quảng Ninh
- \* Địa chỉ thường trú: Tổ 70 khu Lán Bè, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- \* Điện thoại: 091 2571155
- \* Trình độ văn hóa: 12/12
- \* Số CCCD: 022078000653 cấp ngày 16/06/2016 tại Quảng Ninh
- \* Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điều khiển tự động
- \* Quá trình công tác:
  - Từ 08/2002 - 12/2003: Công nhân Công ty cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
  - Từ 01/2004 - 02/2007: Công nhân Nhà máy điện Uông Bí, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
  - Từ 03/2007 - 10/2009: Chuyên viên phòng Kỹ thuật an toàn, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
  - Từ 11/2009 - 12/2010: Kỹ sư Phân xưởng Điện - Tự động, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
  - Từ 01/2011 - 14/9/2011: Trưởng ca vận hành nhà máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
  - Từ 15/9/2011 - 09/2013: Phó trưởng phòng Kỹ thuật An toàn, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
  - Từ 10/2013 - 10/2014: Phó Quản đốc phụ trách Phân xưởng Điện-Tự động Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
  - Từ 11/2014 - 14/6/2016: Quản đốc Phân xưởng Điện - Tự động, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
  - Từ 15/6/2016 - đến nay: Phó Tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
- \* Số cổ phần hiện đang nắm giữ: Đại diện sở hữu: 56.698.147 cổ phần của Tổng công ty Phát điện 1.

- Sở hữu cá nhân: Không
- \* Hành vi vi phạm pháp luật: Không
  - \* Các khoản nợ đối với Công ty: Không
  - \* Lợi ích liên quan đối với Công ty: Lương và phụ cấp
  - \* Số cổ phần những người có liên quan : Không
- 2 Ông Lê Việt Cường**
- \* Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc
  - \* Giới tính: Nam
  - \* Ngày tháng năm sinh: 01/11/1979
  - \* Nơi sinh: Trung Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
  - \* Quốc tịch: Việt Nam
  - \* Dân tộc: Kinh
  - \* Quê quán: Thất Hùng, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
  - \* Địa chỉ thường trú: SN 07- Ngõ 45 - Trung Nhị - Trung Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
  - \* Điện thoại: 0913370971
  - \* Trình độ văn hóa: 12/12
  - \* Số CMTND: 100697912 cấp ngày 22/8/2011 tại Quảng Ninh
  - \* Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ nhiệt. Năm tốt nghiệp 2003
  - \* Quá trình công tác:
    - Từ 02/2004 đến 11/2014 Công tác tại Công ty Nhiệt điện Uông Bí.
    - Từ 12/2014 đến 19/3/2015: Kỹ thuật viên Phân xưởng Lò máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
    - Từ 20/03/2015 - 06/09/2015: Phó Quản đốc Phân xưởng, Phân xưởng Lò máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
    - Từ 07/09/2015 - 06/09/2019: Quản đốc Phân xưởng, Phân xưởng Lò máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.

Từ 01/03/2017 - 15/11/2017:	Phó trưởng phòng phụ trách, Phòng Kỹ Thuật Sản Xuất, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
Từ 16/11/2017 - 15/11/2021:	Trưởng phòng, Phòng Kỹ Thuật Sản Xuất, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
Từ ngày 25/3/2019 đến nay:	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
* Số cổ phần hiện đang nắm giữ:	Không
* Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
* Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
* Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Lương và phụ cấp
* Số cổ phần những người có liên quan:	Không
<b>3 Ông Trần Vũ Linh</b>	
* Chức vụ hiện tại:	Kế toán trưởng
* Giới tính:	Nam
* Ngày tháng năm sinh:	02/10/1985
* Nơi sinh:	Quảng Yên, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
* Quốc tịch:	Việt Nam
* Dân tộc:	Kinh
* Quê quán:	Phù Long, Mỹ Lộc, Nam Định
* Địa chỉ thường trú:	Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh
* Điện thoại	094 6751188
* Trình độ văn hóa:	12/12
* Số CMTND:	100842901 cấp ngày 09/12/2009 tại Quảng Ninh
* Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản lý kinh tế; Cử nhân Kế toán doanh nghiệp
* Quá trình công tác:	
Từ 12/2007 - 19/3/2015:	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
Từ 20/3/2015 - 24/4/2016:	Phó trưởng phòng Tài chính kế toán, Công



- ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
- Từ 25/4/2016 - 02/2017: Phó Trưởng phòng, Phụ trách phòng Tài chính kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
- Từ 01/3/2017 - 15/11/2017: Trưởng phòng Tài chính kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
- Từ 16/11/2017 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
- \* Số cổ phần hiện đang nắm giữ: Không
  - \* Hành vi vi phạm pháp luật: Không
  - \* Các khoản nợ đối với Công ty: Không
  - \* Lợi ích liên quan đối với Công ty: Lương và phụ cấp
  - \* Số cổ phần những người có liên quan : Không

a) Những thay đổi trong Ban điều hành:

- Ông Lê Việt Cường giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh từ ngày 25/3/2019 theo Quyết định số 1077/QĐ-NĐQN ngày 25/3/2019.

b) Trong năm 2019, Công ty duy trì sự ổn định về việc làm và thu nhập cho người lao động Công ty. Công ty tiếp tục thực hiện bố trí sắp xếp, phân công lao động một số bộ phận, đơn vị, áp dụng Hệ thống tiêu chí đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, đào tạo kiến thức, kỹ năng lao động cho người lao động nhằm nâng cao năng suất lao động trong Công ty.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các Dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Không có.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

### 4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	12.384.810	10.965.520	-11,46%
Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ (mã số 10)	9.017.683	10.126.639	12,3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (mã số	277.705	665.004	139,46%

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
30)			
Lợi nhuận khác (mã số 40)	-2.479	-5.054	-103,87%
Lợi nhuận trước thuế (mã số 50)	275.226	659.950	139,78%
Lợi nhuận sau thuế (mã số 60)	275.226	650.987	136,53%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

*b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

Các chỉ tiêu	2018	2019
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</b>		
- Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn (TSNH/Nợ ngắn hạn): (lần)	1,06	1,41
- Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn): (lần)	0,95	1,22
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</b>		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần)	0,67	0,55
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (MS410) (lần)	2,01	1,24
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
- GVHB (giá vốn hàng bán)/HTK (hàng tồn kho) bình quân (lần)	19,58	23,75
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản (lần)	0,73	0,92
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	3,05	6,43
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	6,7	13,3
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	2,22	5,94
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	3,08	6,57

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu**

*a) Số lượng cổ phần: 450.000.000 cổ phần chuyển nhượng tự do.*

*b) Cơ cấu cổ đông*

TT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
I.	Cổ đông trong nước	583	450.000.000	100%
1.	Tổ chức	11	444.289.019	98,73%
2.	Cá nhân	572	5.710.981	1,27%
II.	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>583</b>	<b>450.000.000</b>	<b>100</b>

*c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2019, Công ty không thay đổi vốn điều lệ.*

*d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.*

*e) Các chứng khoán khác: Không có.*

## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty**

### **6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

- Nguyên vật liệu chính sử dụng trong sản lượng điện bao gồm:
  - + Tổng lượng than đốt là 3.958.632 tấn.
  - + Tổng lượng dầu đốt kèm và khởi động là 11.182 tấn.
- Tỷ lệ phần trăm nguyên liệu được tái chế sử dụng:
  - + Tổng khối lượng tro xỉ thải ra: 1.268.000 tấn.
  - + Khối lượng tro xỉ tái sử dụng cho mục đích khác (bán ra làm nguyên liệu cho ngành vật liệu xây dựng) là 725.440 tấn, đạt 57,21% lượng xỉ thải ra.

### **6.2. Tiêu thụ năng lượng:**

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp, bao gồm:
    - + Năng lượng nhiệt tỏa ra thông qua quá trình đốt than, dầu trong lò hơi.
    - + Năng lượng điện để phục vụ công tác bảo dưỡng, sửa chữa và phát điện là 9,45% (tương đương 716.352.065 kWh).
  - Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Để thực hiện công tác sử dụng tiết kiệm năng lượng điện, năng lượng nhiệt hiệu quả Công ty đang thực hiện các công tác như sau:
    - + Thuê tư vấn khảo sát thiết bị công nghệ đưa giải pháp giảm điện tự dùng trong nhà máy.
    - + Triển khai chương trình tiết kiệm điện tự dùng trong nhà máy và thực hiện kế hoạch kiểm toán năng lượng theo quy định của Bộ Công thương.
  - Các sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Hiện tại Công ty đang lập các phương án giải pháp để tiếp tục giảm tỷ lệ điện tự dùng như:
    - + Xây dựng phương án lắp biến tần, khởi động mềm cho các động cơ công suất lớn...
    - + Thực hiện các giải pháp và giảm nhiệt độ nước tuần hoàn (nâng cao khả năng mang tải của nhà máy).
    - + Khảo sát đánh giá các tổ máy đưa ra các giải pháp và trả lại công suất thiết kế của tổ máy (giảm tỉ lệ điện tự dùng khi tổ máy phát đầy tải).
- Do đang trong quá trình triển khai nên Công ty chưa đăng ký và chưa có báo cáo kết quả sáng kiến tiết kiệm năng lượng được cấp thẩm quyền phê duyệt.

### **6.3. Tiêu thụ nước:**

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng, bao gồm:

- + Nước ngọt: Công ty ký Hợp đồng mua nước với Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh từ nguồn nước ngọt Hồ Cao Vân, lượng nước ngọt sử dụng trong năm 2019 là 1.888.147 m<sup>3</sup>.
- + Nước tuần hoàn: lượng nước sử dụng trong năm 2019 là 1.308.471.444 m<sup>3</sup> được lấy từ sông Diễn Vọng.
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và sử dụng: Nước sau xử lý của hệ thống nước thải công nghiệp được đưa vào sử dụng tại hệ thống thải xi, tổng lượng nước tái chế là 368.640 m<sup>3</sup>, chiếm 19,52%.

#### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Trong năm 2019, Công ty luôn luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường các chỉ tiêu môi trường của Nhà máy như khí thải, nước thải ... nằm trong giới hạn cho phép.

#### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

*a) Số lượng lao động của Công ty tính đến 31/12/2019 là 877 người, mức lương bình quân toàn Công ty năm 2019 là 17 triệu đồng/người/tháng.*

*b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:*

- Điều kiện làm việc, đảm bảo an toàn: Công ty tổ chức các khu vực làm việc khang trang, thoáng mát. Công nhân vận hành trực tiếp được Công ty bố trí làm việc tại các chốt trực đảm bảo ánh sáng và thoáng khí. Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân theo quy định của Nhà nước như: Quần áo bảo hộ lao động, mũ, găng tay, khẩu trang, ủng,... Công ty tổ chức bộ phận chuyên trách về công tác an toàn lao động và xây dựng hệ thống mạng lưới an toàn vệ sinh viên nhằm đảm bảo cao nhất an toàn lao động trong Công ty.

- Chế độ bảo hiểm: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp được Công ty thực hiện đúng theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, đảm bảo đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước.

- Chế độ chăm sóc sức khỏe: Công ty thực hiện đầy đủ chế độ khám sức khỏe định kỳ; khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; đo, kiểm tra môi trường lao động; tổ chức cấp phát hiện vật bồi dưỡng cho lao động làm việc trong môi trường độc hại, nguy hiểm; tổ chức cho người lao động đi nghỉ dưỡng sức, phục hồi chức năng để tái tạo sức lao động theo quy định. Bộ phận y tế của Công ty luôn thường trực 24/24h để cấp thuốc, sơ cứu những rủi ro về sức khỏe người lao động.

- Công ty thường xuyên phối hợp với công đoàn cơ sở, công đoàn bộ phận hỗ trợ giúp đỡ về vật chất, tinh thần cho người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật.

*c) Hoạt động đào tạo người lao động:*

Công ty chú trọng nâng cao hiệu quả quản lý lao động, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực. Tập trung công tác đào tạo theo chiều sâu để nâng cao chất lượng lao động. Nâng cao chất lượng đào tạo từ các khâu nội dung chương trình, chất lượng giảng viên và chú trọng khâu kiểm tra, sát hạch sau quá trình đào tạo; người lao động thông thạo nhiều kỹ năng công việc, có khả năng đảm nhiệm nhiều vị trí trong dây chuyền.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2019, Công đoàn Công ty cùng các cấp, ngành, cơ quan đoàn thể trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện nghĩa vụ với cộng đồng địa phương và các hoạt động đầu tư, phát triển cộng đồng với tổng số tiền 231,5 triệu đồng.

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD**

Bảng chỉ tiêu chính thực hiện năm 2019

TT	Nội dung	Đơn vị tính	KH năm 2019	TH Năm 2019	So sánh (%)
1	Sản lượng điện sản xuất	Tỷ kWh	7.725,78	7.581,61	98,1%
2	Sản lượng điện bán cho EVN	Tỷ kWh	6.990,76	6.891,07	98,6%
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	9.674,06	10.152,04	104,9%
4	Tổng chi phí	Tỷ đồng	9.310,04	9.366,06	100,6%
5	Tổng lợi nhuận (chưa tính ảnh hưởng của CLTG)	Tỷ đồng	364,02	785,98	215,9%
6	Chênh lệch tỷ giá	Tỷ đồng			
-	<i>Phát sinh trong kỳ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	-	2,89	
-	<i>Lỗ CLTG năm trước chuyển sang</i>	<i>Tỷ đồng</i>	-	-128,9	
7	Lợi nhuận đã gồm CLTG trong kỳ và năm trước chuyển sang	Tỷ đồng	-	659,95	
8	Tổng lợi nhuận (sau thuế)	Tỷ đồng	-	650,99	
9	Cổ tức	Tỷ đồng	-		

Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

Năm 2019, về cơ bản các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đạt so với mục tiêu Kế hoạch đề ra, ngoại trừ suất hao nhiệt. Để có được kết quả khả quan này, trong năm qua Ban điều hành Công ty đã có những cải tiến về cơ cấu tổ chức, quản lý và chính sách như:

- Nâng cao năng lực và hiệu quả, hiệu lực công tác điều hành; thực hiện đồng bộ các giải pháp kỹ thuật tối ưu; quyết liệt, sâu sát và kỷ luật nghiêm minh trong công việc điều hành.

- Thực hiện sắp xếp, điều chỉnh, luân chuyển cán bộ công nhân viên hợp lý, hiệu quả, phù hợp với tình hình SXKD gọn nhẹ và năng động hơn.

- Công ty luôn chủ động nắm bắt những cơ hội thuận lợi và điều hành linh hoạt trong công tác Thị trường điện phát điện cạnh tranh để mang lại kết quả tích cực và hiệu quả kinh tế

- Thực hiện đề án tối ưu hóa chi phí trong mua sắm và sản xuất; nâng cao năng suất lao động.

- Thực hiện và tăng cường các biện pháp kiểm soát.

- Công tác tự kiểm tra và kiểm soát nội bộ được tăng cường trong các lĩnh vực hoạt động quản lý, đặc biệt là trong công tác đấu thầu, mua sắm vật tư thiết bị, giám sát trong vận hành và sửa chữa.

- Duy trì việc chấp hành chế độ chính sách của Nhà nước, các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị Công ty.

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Nội dung	2018	2019	% biến động
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>2.794.481</b>	<b>3.274.204</b>	<b>17,2%</b>
Tiền và tương đương tiền	534.794	621.106	16,1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.500	1.500	0,0%
Phải thu khách hàng	1.933.729	2.172.872	12,4%
Trả trước cho người bán			
Các khoản phải thu khác	26.008	30.590	17,6%
Hàng tồn kho	298.164	447.680	50,1%
Tài sản lưu động khác	286	455	59,1%
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>9.590.329</b>	<b>7.691.316</b>	<b>-19,8%</b>
Phải thu dài hạn			
Tài sản cố định	9.518.370	7.612.262	-20,0%
Đầu tư tài chính dài hạn			
XDCB dở dang	4.059	4.059	0,0%
Tài sản dài hạn khác	67.900	74.994	10,45%
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>12.384.810</b>	<b>10.965.520</b>	<b>-11,5%</b>

Tổng tài sản của công ty tại ngày 31/12/2019 là: 10.965.520 triệu đồng, giảm 11,5% so với thời điểm 31/12/2018, tổng tài sản giảm chủ yếu do tài sản dài hạn tại ngày 31/12/2019 giảm 19,8% so với thời điểm 31/12/2018 (tương đương giảm 1.899.013 triệu đồng).

Tài sản ngắn hạn tại ngày 31/12/2019 là 3.274.204 triệu đồng (tăng 17,2% so với thời điểm ngày 31/12/2018), chủ yếu do khoản mục tiền và tương đương tiền, khoản mục phải thu khách hàng và hàng tồn kho thời điểm 31/12/2019 tăng lần lượt là 16,1%, 12,4% và 50,1% so với thời điểm 31/12/2018.

*b) Tình hình nợ phải trả*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

<b>Nội dung</b>	<b>2018</b>	<b>2019</b>	<b>% biến động</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>8.269.533</b>	<b>6.070.356</b>	<b>-26,6%</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>2.627.691</b>	<b>2.318.962</b>	<b>-11,7%</b>
Phải trả người bán	522.540	334.392	-36,0%
Người mua trả tiền trước		62.700	
Vay và nợ ngắn hạn	1.891.190	1.892.562	0,1%
Thuế phải nộp	46.906	30.819	-34,3%
Phải trả người lao động	57.981	50.163	-13,5%
Chi phí phải trả	107.026	71.899	-32,8%
Các khoản phải trả khác	241	944	291,7%
Dự phòng phải trả ngắn hạn			
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.807	1.183	-34,5%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>5.641.842</b>	<b>3.751.393</b>	<b>-33,5%</b>
Vay và nợ dài hạn	5.641.842	3.751.393	-33,5%

Tổng nợ phải trả tại 31/12/2019 của Công ty giảm 26,6% tương đương 2.199.177 triệu đồng so với thời điểm 31/12/2018, trong đó khoản mục nợ dài hạn giảm 33,5% và khoản mục nợ ngắn hạn giảm 11,7%. Nguyên nhân chủ yếu do năm 2019 Công ty thực hiện tốt công tác cân đối dòng tiền trả nợ gốc vay và thanh toán công nợ với các nhà cung cấp và các khoản công nợ khác.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Công ty đã cơ bản sắp xếp lại mô hình tổ chức, bố trí lại lao động hợp lý hơn phù hợp với yêu cầu SXKD, gọn nhẹ và năng động hơn. Nhiệm vụ SXKD chủ yếu của Công ty hiện nay là chuyên quản lý vận hành sản xuất điện.

Hàng năm Công ty sửa đổi, bổ sung, xây dựng các quy chế quản lý nội bộ và cập nhật các thông tin cho phù hợp với chính sách pháp luật của Nhà nước, đáp ứng nhu cầu SXKD của Công ty.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Tiến hành hiệu chỉnh các TM để đảm bảo các TM vận hành ổn định, liên tục, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Xây dựng kế hoạch dần thay thế các thiết bị chính TM có chất lượng tốt hơn, ổn định hơn.

Công ty sẽ tiếp tục công tác đào tạo cán bộ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để Công ty ổn định phát triển một cách bền vững.

Kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận điều chỉnh suất hao nhiệt trong Hợp đồng mua bán điện do ảnh hưởng từ các yếu tố khách quan.

Tham gia thị trường bán lẻ cạnh tranh theo lộ trình của Chính phủ.

#### **5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán tuân thủ**

Công ty đang thực hiện phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá (CLTG) do đánh giá lại các khoản vay và nợ phải trả tại ngày 31/12/2015 theo công văn số 3003/BTC-TCDN của Bộ Tài chính ngày 8/3/2016 “Về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm 2015”, được Thủ tướng chính phủ chấp thuận theo văn bản số 2239/VPCP-KTKH ngày 4/4/2016. Theo đó khoản lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm 2015 được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm từ năm 2016 đến năm 2019, khoản lỗ CLTG phân bổ vào chi phí tài chính của năm 2019 là 128.900.000.000 đồng.

#### **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:**

##### **a) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường**

Trong năm 2019, Công ty luôn luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường các chỉ tiêu môi trường của Nhà máy như khí thải, nước thải ... nằm trong giới hạn cho phép

##### **b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**

Các vấn đề người lao động trong năm 2019 được đảm bảo, người lao động được đảm bảo mức thu nhập, chế độ bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe, điều kiện làm việc theo quy định của Pháp luật.

##### **c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Công ty với cộng đồng địa phương**

Trong năm 2019, Công ty cùng các cấp, ngành, cơ quan đoàn thể trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện nghĩa vụ với cộng đồng địa phương và các hoạt động đầu tư, phát triển cộng đồng

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị (HDQT) về hoạt động của Công ty**

##### **1. Đánh giá của HDQT về các mặt hoạt động của Công ty**

- Về sản xuất kinh doanh:



- + Tổng sản lượng điện sản xuất đạt 7,58 tỷ kWh, bằng 98,1% so với kế hoạch năm và tăng 8,6% so với thực hiện năm 2018;
- + Tổng sản lượng điện thương phẩm đạt 6,89 tỷ kWh, bằng 98,6% so với kế hoạch năm và tăng 9% so với thực hiện năm 2018;
- + Công ty có lợi nhuận SXKD (chưa tính ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá) đạt 785,98 tỷ đồng cao hơn 421,96 tỷ đồng so với kế hoạch. Sau khi tính ảnh hưởng của CLTG phát sinh trong kỳ và phân bổ lỗ CLTG, lợi nhuận còn lại là 659,95 tỷ đồng.
- + Các TM vận hành ổn định, đảm bảo phương thức điều độ hệ thống điện quốc gia, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật (ngoài trừ tiêu hao than) đạt so với kế hoạch/phương án giá điện.

- Về công tác Thị trường điện: Công ty đã hoàn thành tốt công tác vận hành thị trường điện và mang lại hiệu quả kinh tế cao trong năm 2019. Về công tác thanh toán, Công ty đã lập hồ sơ thanh toán đảm bảo đúng tiến độ và tính chính xác của số liệu thanh toán với Công ty mua bán điện.

- Về công tác tài chính: Năm 2019, Công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, đảm bảo hoạt động này luôn luôn minh bạch và tuân thủ pháp luật. Công ty đã cân đối, tối ưu dòng tiền để thanh toán các chi phí phát sinh cho hoạt động SXKD, không phát sinh vay lưu động.

- Về việc quyết toán các hạng mục công trình hoàn thành: Các Dự án Quảng Ninh 1, Quảng Ninh 2 đang được các cấp có thẩm quyền (EVN) xem xét, thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

- Trong năm, Công ty tiếp tục ban hành, hệ thống hóa các quy định quản trị nội bộ, tạo hành lang pháp lý, định hướng các hoạt động của Công ty theo hướng khoa học, hợp lý bám sát các quy định hiện hành của pháp luật.

## **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty**

- Theo định hướng của HĐQT, Ban điều hành Công ty đứng đầu là Tổng giám đốc đã thực hiện nhiều giải pháp trong sản xuất đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cơ bản thấp hơn kế hoạch/phương án giá điện. Các TM đã vận hành ổn định, tin cậy hơn và chủ động linh hoạt tham gia thị trường phát điện. Kết thúc năm 2019, các chỉ tiêu SXKD đạt (ngoài trừ suất hao nhiệt, do ảnh hưởng chủ yếu của một số yếu tố khách quan, chưa đạt so với kế hoạch/PAGĐ) so với mục tiêu kế hoạch đề ra.

- Trong vấn đề quản lý và điều hành SXKD, Ban Điều hành Công ty đã thực thi kỷ luật nghiêm khắc và quyết liệt, đồng bộ hơn rất nhiều. Các chế độ thưởng phạt đã gắn liền với quyền lợi và trách nhiệm của người lao động và nâng cao hiệu quả, năng suất lao động.

## **3. Kế hoạch định hướng của hội đồng quản trị**

- Ngay từ đầu năm 2020, HĐQT đã ban hành đã ban hành Quyết định số 304/QĐ-NĐQN ngày 22/01/2020 phê duyệt chương trình làm việc năm 2020 của HĐQT Công ty. Chương trình 304 đã thể hiện cơ bản trọng tâm các nội dung công việc mà HĐQT, Ban Tổng giám đốc, tập thể CBCNV cần thực hiện để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2020.

- HĐQT tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban Điều hành theo Nghị quyết HĐQT, các kiến nghị của BKS Công ty. Định kỳ hàng tháng Chủ tịch HĐQT làm việc trực tiếp với Ban Điều hành để kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết HĐQT, đánh giá, đôn đốc và chỉ đạo kịp thời để giải quyết các vướng mắc tồn tại trong quá trình thực hiện.

- Trong năm 2020, tiếp tục ban hành bổ sung và triển khai các quy chế, quy định quản lý nội bộ đến từng bộ phận, người lao động; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đẩy mạnh quy chế dân chủ cơ sở, phát huy tinh thần đoàn kết, nhất trí của người lao động trong Công ty; Xây dựng văn hoá Công ty phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

- Tiếp tục nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý của Ban điều hành và bộ máy lãnh đạo của các đơn vị thông qua việc thực hiện các giải pháp về tổ chức, nhân sự và nghiêm túc tuân thủ các quy chế quản lý nội bộ.

## **V. Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính của Công ty (*chi tiết kèm theo*) cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019 được lập đúng theo các quy định hiện hành của pháp luật về kế toán (bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động SXKD; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính ...).

Trân trọng./.

### ***Nơi nhận:***

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- <http://www.quangninhtpc.com.vn>;
- Lưu: VT, KHVT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Ngô Sinh Nghĩa**